

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LONG AN IDICO**

Số: 03/CT-TCKT
V/v công bố thông tin Nghị quyết HĐQT Quý
IV/2024 (nhiệm kỳ IV 2021-2026).

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Long An, ngày 07 tháng 01 năm 2025

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Công ty: Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Long An IDICO (IDICO-LINCO).
Mã chứng khoán: LAI.

Trụ sở chính: Số 88, Quốc lộ 1 (Tuyến tránh), Phường 6, TP.Tân An, tỉnh Long An.

Điện thoại: 0272.3826 497

Fax: 0272.3829 337

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Phạm Quốc Tài.

Chức vụ: Kế toán trưởng – Người được ủy quyền công bố thông tin.

Điện thoại di động: 0918.593.784,

Email: pqtaik30c@yahoo.com.vn

Fax: 0272.3829337

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 13 của Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Công ty IDICO-LINCO công bố thông tin Nghị quyết HĐQT Quý IV/2024 (nhiệm kỳ IV 2021-2026).

Thông tin này đã được công bố trên trang Website của Công ty IDICO-LINCO: www.idico-linco.com.vn tại Mục quan hệ cổ đông.

Công ty IDICO-LINCO xin được công bố thông tin trên đến Quý Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội được biết và thực hiện công bố thông tin theo quy định hiện hành.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN
KẾ TOÁN TRƯỞNG**

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu HCNS, TCKT.



Phạm Quốc Tài

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 01 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ QUÝ IV/2024 (nhiệm kỳ IV 2021-2026)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LONG AN IDICO

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Long An IDICO (IDICO-LINCO) đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 14/5/2021, sửa đổi bổ sung ngày 18/09/2024;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị Công ty ngày 30/12/2024 đã được các thành viên biểu quyết thông qua;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Hội đồng quản trị thống nhất thông qua các nội dung như sau:

1. Thông qua ước kết quả SXKD, đầu tư năm 2024, kế hoạch SXKD, đầu tư năm 2025, với các chỉ tiêu chính sau:

1.1. Ước kết quả SXKD, đầu tư năm 2024:

ĐVT: Triệu đồng.

| TT | Chỉ tiêu | Kế hoạch 2024 | Thực hiện 9 tháng đầu năm | Ước thực hiện 3 tháng cuối | Ước thực hiện năm 2024 | ƯTH/KH (%) |
|----|--------------------------------|---------------|---------------------------|----------------------------|------------------------|------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7=6/3 |
| I | Tổng DT và thu nhập khác | 447.900 | 356.195 | 53.817 | 410.013 | 91,54 |
| 1 | DT hoạt động SXKD lĩnh vực | 446.600 | 355.442 | 53.540 | 408.982 | 91,58 |
| - | Kinh doanh BĐS (Thương mại) | 316.600 | 287.482 | | 287.482 | 90,80 |
| - | Kinh doanh VLXD | 55.000 | 46.256 | 10.837 | 57.093 | 103,81 |
| - | Xây lắp | 75.000 | 21.375 | 42.703 | 64.078 | 85,44 |
| - | Khác | | 329 | | 329 | |
| 2 | Doanh thu tài chính | 500 | 30 | 5 | 35 | 7,07 |
| 3 | Thu nhập khác | 800 | 724 | 272 | 996 | 124,46 |
| II | Tổng chi phí | 308.700 | 169.374 | 66.875 | 236.249 | 76,53 |
| 1 | Chi phí SXKD từng lĩnh vực | 239.500 | 126.620 | 51.081 | 177.701 | 74,20 |
| - | Kinh doanh BĐS (Thương mại) | 121.000 | 63.344 | | 63.344 | 52,35 |
| - | Kinh doanh VLXD | 49.500 | 42.831 | 10.086 | 52.917 | 106,90 |
| - | Xây lắp | 69.000 | 20.123 | 40.995 | 61.118 | 88,58 |
| - | Khác | | 322 | | 322 | |
| 2 | Chi phí tài chính | 19.500 | 14.136 | 5.876 | 20.012 | 102,63 |
| 3 | Chi phí quản lý DN và Bán hàng | 49.500 | 28.378 | 9.829 | 38.206 | 77,18 |

| TT | Chỉ tiêu | Kế hoạch 2024 | Thực hiện 9 tháng đầu năm | Ước thực hiện 3 tháng cuối | Ước thực hiện năm 2024 | Ư' TH/ KH (%) |
|------------|--|-----------------|---------------------------|----------------------------|------------------------|---------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7=6/3 |
| - | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 29.800 | 12.427 | 8.332 | 20.759 | 69,66 |
| - | Chi phí bán hàng | 19.700 | 15.951 | 1.496 | 17.448 | 88,57 |
| 4 | Chi phí khác | 200 | 240 | 90 | 330 | 165,00 |
| III | Tổng LN kế toán trước thuế | 139.200 | 186.821 | - 13.058 | 173.763 | 124,83 |
| 1 | LN gộp trước thuế từng lĩnh vực | 207.100 | 228.815 | 2.459 | 231.275 | 111,67 |
| - | Kinh doanh BĐS (Thương mại) | 195.600 | 224.138 | | 224.138 | 114,59 |
| - | Kinh doanh VLXD | 5.500 | 3.425 | 751 | 4.176 | 75,94 |
| - | Xây lắp | 6.000 | 1.252 | 1.708 | 2.960 | 49,33 |
| - | Khác | | 6 | | 6 | |
| 2 | Lợi nhuận tài chính | (19.000) | (14.106) | (5.871) | (19.977) | 105,14 |
| 3 | Lợi nhuận khác | 600 | 484 | 182 | 666 | 110,94 |
| IV | Thuế TNDN | 27.800 | 37.364 | - 2.612 | 34.753 | 125,01 |
| V | Tổng lợi nhuận sau thuế | 111.400 | 149.457 | - 10.447 | 139.011 | 124,79 |
| 1 | Lợi nhuận nộp về cho chủ sở hữu | 80.896 | 80.896 | | 80.896 | 100,00 |
| a | Cổ tức bằng tiền | | | | | |
| b | Cổ tức bằng cổ phiếu (%) | 80.896 | 80.896 | | 80.896 | 100,00 |
| 2 | Trích các quỹ từ LN sau thuế | 2.800 | 2.800 | | 2.800 | 100,00 |
| VI | Lao động và tiền lương | | | | | |
| 1 | Quỹ lương | 13.574 | 7.481 | 6.098 | 13.579 | 100,00 |
| 2 | Lao động bình quân | 45 | 45 | 44 | 45 | 100,00 |
| 3 | Thu nhập bq (trđ/1 người/tháng) | 25 | 19 | 46 | 25,43 | 101,12 |
| VII | Hoạt động Đầu tư | 725.128 | 272.813 | 25.801 | 298.614 | 41,18 |
| 1 | KDC TT P.6 mở rộng - Tân An | 123.273 | 1.393 | 14.050 | 15.443 | 12,53 |
| 2 | KDC nhà ở công nhân - HT | 591.855 | 271.420 | 11.751 | 283.171 | 47,84 |
| 3 | Khác (MMTB; Dự án mới...) | 10.000 | | | | |

1.2. Kế hoạch SXKD, đầu tư năm 2025:

ĐVT: Triệu đồng.

| TT | Chỉ tiêu | Ước thực hiện năm 2024 | Kế hoạch 2025 | KH/Ư' TH (%) |
|-----------|--|------------------------|----------------|---------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5=4/3 |
| I | Tổng doanh thu và thu nhập khác | 410.013 | 349.241 | 85,18 |
| 1 | DT hoạt động SXKD từng lĩnh vực | 408.982 | 348.116 | 85,12 |
| - | Kinh doanh BĐS (Thương mại) | 287.482 | 195.616 | 68,04 |
| - | Kinh doanh VLXD | 57.093 | 60.000 | 105,09 |
| - | Xây lắp | 64.078 | 92.500 | 144,36 |
| - | Khác | 329 | - | - |
| 2 | Doanh thu tài chính | 35 | 37 | 104,71 |
| 3 | Thu nhập khác | 996 | 1.088 | 109,28 |
| II | Tổng chi phí | 236.249 | 292.754 | 123,92 |
| 1 | CP hoạt động SXKD từng lĩnh vực | 177.701 | 250.008 | 140,69 |
| - | Kinh doanh BĐS (Thương mại) | 63.344 | 106.163 | 167,60 |
| - | Kinh doanh VLXD | 52.917 | 55.970 | 105,77 |

| TT | Chỉ tiêu | Ước thực hiện năm 2024 | Kế hoạch 2025 | KH/U' TH (%) |
|------------|--|------------------------|-----------------|-----------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5=4/3 |
| - | Xây lắp | 61.118 | 87.875 | 143,78 |
| - | Khác | 322 | - | - |
| 2 | Chi phí tài chính | 20.012 | 13.909 | 69,51 |
| 3 | Chi phí quản lý DN và Bán hàng | 38.206 | 28.476 | 74,53 |
| - | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 20.759 | 20.960 | 100,97 |
| - | Chi phí bán hàng | 17.448 | 7.516 | 43,08 |
| 4 | Chi phí khác | 330 | 360 | 109,09 |
| III | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 173.763 | 56.487 | 32,51 |
| 1 | LN gộp trước thuế từng lĩnh vực | 231.281 | 98.107 | 42,42 |
| - | Kinh doanh BĐS (Thương mại) | 224.138 | 89.452 | 39,91 |
| - | Kinh doanh VLXD | 4.176 | 4.030 | 96,49 |
| - | Xây lắp | 2.960 | 4.625 | 156,25 |
| - | Khác | 6 | - | - |
| 2 | Lợi nhuận tài chính | (19.977) | (13.872) | 69,44 |
| 3 | Lợi nhuận khác | 666 | 728 | 109,37 |
| IV | Thuế TNDN | 34.753 | 11.297 | 32,51 |
| V | Tổng lợi nhuận sau thuế | 139.011 | 45.190 | 32,51 |
| 1 | Lợi nhuận nộp về cho chủ sở hữu | 80.896 | 102.600 | 126,83 |
| a | Cổ tức bằng tiền | | | |
| b | Cổ tức bằng cổ phiếu | 80.896 | 102.600 | 126,83 |
| 2 | Trích các quỹ từ Lợi nhuận sau thuế | 2.800 | 3.500 | 125,00 |
| VI | Lao động và tiền lương | | | |
| 1 | Quỹ lương | 13.579 | 14.038 | 103,38 |
| 2 | Lao động bình quân | 45 | 44 | 98,88 |
| 3 | Thu nhập bq (trđ/1 người/tháng) | 25 | 27 | 105,97 |
| VII | Hoạt động Đầu tư | 284.914 | 637.729 | 223,83 |
| 1 | KDC TT P.6 mở rộng - Tân An | 1.743 | 111.610 | 6.402,74 |
| 2 | KDC nhà ở công nhân - Hựu Thạnh | 283.171 | 521.119 | 184,03 |
| 3 | Khác (MMTB; Dự án BĐS mới...) | - | 5.000 | |

050329
CÔNG TY
CỔ PHẦN
XÂY DỰNG
GANIDICO
IN - T. LONG

2. Thống nhất thông qua báo cáo tình hình thực hiện các dự án đầu tư của Công ty và đồng ý triển khai thực hiện các công việc sau:

2.1. Dự án Khu dân cư trung tâm mở rộng phường 6.

- Đồng ý chủ trương cho nghiên cứu phương án đầu tư đối với 02 công trình hạ tầng xã hội trong dự án KDC trung tâm mở rộng phường 6 (gồm giáo dục $5.900m^2$ và y tế $1.016m^2$). Trong đó, đối với phần diện tích đất giáo dục cần nghiên cứu chính sách ưu đãi về tiền thuê đất để kêu gọi nhà đầu tư nhằm sớm hoàn thành các công trình hạ tầng xã hội trong dự án đảm bảo điều kiện chuyển nhượng, sang tên cho khách hàng.
- Đối với các hạng mục phục vụ dự án TTTM AEON Tân An theo hợp đồng chuyển nhượng đã ký kết gồm: Cấp nguồn điện theo phương án đấu nối số 46/TTĐN-PCLA ngày 30/10/2024 của EVN; Hệ thống thiết bị công nghệ Trạm xử lý nước thải $660m^3$ /ngày đêm. HĐQT đồng ý giao Giám đốc công ty

thực hiện lập, thẩm tra, phê duyệt thiết kế dự toán, chào giá cạnh tranh để lựa chọn nhà thầu sớm triển khai thi công theo tiến độ cam kết trong hợp đồng và quyết toán chi phí theo quy định, đảm bảo hiệu quả cao nhất.

- Tiếp tục tập trung giải quyết các thủ tục pháp lý có liên quan đến Thửa số 2 ($7.310m^2$) để hoàn thành việc chuyển nhượng cho AEON VN.

2.2. Dự án khu dân cư, nhà ở công nhân xã Hựu Thạnh.

- Để làm cơ sở triển khai thi công hạ tầng kỹ thuật khu dân cư, đảm bảo hạ tầng tái định cư để giao nền cho người dân theo quy định. Hội đồng quản trị đồng ý giao Giám đốc thực hiện các thủ tục lựa chọn đơn vị tư vấn điều chỉnh báo cáo khả thi và thiết kế thi công hạ tầng kỹ thuật dự án trình Hội đồng quản trị xem xét phê duyệt.
- Tiếp tục thực hiện các thủ tục đề nghị giao thuê đất đợt 2 nhằm sớm có kế hoạch triển khai hạ tầng kỹ thuật dự án khi đủ điều kiện.
- Đối với công tác bồi thường giải phóng mặt bằng phần còn lại của dự án, đề nghị Công ty phối hợp với phòng bồi thường thuộc Ban quản lý các dự án và Ban pháp chế thuộc Tổng công ty IDICO-CTCP để tham vấn và lập phương án thực hiện trong thời gian tới.
- Nghiên cứu phương án phân kỳ giai đoạn đầu tư và khai thác kinh doanh đối với một phần dự án sau khi hoàn thành các thủ tục đất đai và thiết kế thi công hạ tầng kỹ thuật dự án.
- Đồng ý chủ trương cho triển khai hồ sơ bán hàng và nghiên cứu thị trường trong Quý I/2025 để làm cơ sở hoạch định chiến lược đầu tư và kinh doanh dự án trong thời gian tới.
- Giao Công ty nghiên cứu, khảo sát thị trường với các số liệu (về pháp lý, giá bán, diện tích, thời gian thanh toán...) tại các dự án lân cận trên địa bàn để có cơ sở phân tích xem xét tại cuộc họp sau.

3. Tổng nhất các nội dung khác:

- Đối với việc sử dụng quỹ thưởng vượt kế hoạch lợi nhuận và quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2023 giao Giám đốc và KTT lập phương án báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định.
- Phối hợp các Ban Tổng công ty thực hiện các nội dung theo kết luận cuộc họp ngày 19/12/2024 giữa Tổng công ty IDICO – CTCP và Công ty IDICO – LINCO.
- Hội đồng quản trị thống nhất phê duyệt Quy chế tài chính của Công ty theo nội dung tờ trình số 67/TTr-CT ngày 25/12/2024 của Công ty.
- Đối với quy chế phân cấp, quản lý đầu tư và quy chế lựa chọn nhà thầu của Công ty giao Ban điều hành tiếp tục hoàn thiện và lấy ý kiến Hội đồng quản trị trước khi trình phê duyệt.

Điều 2: Hội đồng quản trị giao Ban Điều hành tiếp tục triển khai các bước tiếp theo trên tinh thần nội dung Nghị quyết này.

Điều 3: Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Trưởng các Phòng, Ban nghiệp vụ liên quan Công ty chịu trách nhiệm triển khai thực hiện Nghị quyết này./.

Nơi nhận

- Như điều 3;
- Ban kiểm soát;
- Lưu HCNS, HDQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Đặng Chính Trung

